

Số: 612 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đoạn, tuyến đường cao tốc thuộc dự án thành phần xây dựng cao tốc Nghi Sơn - Diễn Châu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Văn bản số 1228/BGTVT-KCHT ngày 01/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc tiếp nhận, quản lý một số hạng mục thuộc dự án thành phần đoạn cao tốc Nghi Sơn - Diễn Châu để quản lý, khai thác theo quy định;

Căn cứ đề nghị của Cục Đường bộ Việt Nam tại các Văn bản số 2735/CĐBVN-TC ngày 24/4/2024; số 3050/CĐBVN-TC ngày 9/5/2024 về việc đề nghị giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông;

Căn cứ đề nghị của Ban Quản lý dự án 6 tại Văn bản số 796/BQLDA6-BĐH NS-DC ngày 9/5/2024 kèm theo biên bản rà soát, phân loại tài sản được ký ngày 24/4/2024 giữa Ban Quản lý dự án 6 với Khu Quản lý đường bộ II trực thuộc Cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ các Văn bản số 1202/CQLXD-CCPN ngày 6/5/2024 của Cục Quản lý đầu tư xây dựng; số 414/KCHT ngày 6/5/2024 của Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và trên cơ sở Biên bản rà soát, phân loại tài sản và các hồ sơ tài liệu có liên quan được gửi kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao Cục Đường bộ Việt Nam quản lý các hạng mục là tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đoạn, tuyến đường cao tốc hình thành từ Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nghi Sơn – Diễn Châu, thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Giao thông vận tải, chi tiết tại phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm:

1. Quản lý, khai thác, bảo trì các tài sản được giao tại Điều 1 theo đúng quy định tại Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận, hạch toán tăng tài sản theo quy định. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ.

2. Trong quá trình khai thác, phối hợp với Chủ đầu tư các đơn vị có liên quan để theo dõi việc thực hiện các nội dung nêu tại Thông báo số 115/TB-HĐKTNN ngày 12/10/2023 của Hội đồng Kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng đối với kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của Chủ đầu tư đối với dự án thành phần thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nghi Sơn – Diễn Châu thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 – 2020.

3. Kịp thời hạch toán điều chỉnh giá trị tài sản theo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hoặc khi có thay đổi, điều chỉnh từ cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Tài chính, Vận tải, Kết cấu hạ tầng giao thông, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban QLDA 6;
- Cục QLCS – Bộ Tài chính;
- Công thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, TC (Kh).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Anh Tuấn

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THUỘC ĐOẠN, TUYẾN NGHI SƠN - DIỄN CHÂU

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BGTVT ngày tháng 5 năm 2024 của Bộ GTVT)

TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m2) (3)		Giá trị (đồng)		Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	Đoạn, tuyến thuộc Đường cao tốc đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu, tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An		57,04					4.274.509.000.000	4.274.509.000.000		Đã bao gồm tổng chiều dài đường 54,79km; 450md hầm và 1,793km dài cầu trên tuyến chính; giá trị một số tài sản được đầu tư theo Quyết định số 338/QĐ-BGTVT ngày 8/3/2021
I	Đường giao thông đường bộ - Cấp I		54,79					2.968.337.000.000	2.968.337.000.000		
1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (Km380+000 - Km389+900)	Km	9,26	2021	2023			456.336.000.000	456.336.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Chiều dài không bao gồm chiều dài cầu trong lý trình được kê dưới đây
2	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (Km389+900 - Km405+000)	Km	14,65	2021	2023			868.200.000.000	868.200.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Chiều dài không bao gồm chiều dài cầu trong lý trình được kê dưới đây
3	Các nhánh nút giao Quỳnh Vinh Km390+200		2,03	2021	2023						
	- Nhánh 1	Km	0,83								
	- Nhánh 2	Km	0,33								
	- Nhánh 3	Km	0,31								
	- Nhánh 4	Km	0,23								
	- Nhánh 5	Km	0,17								
	- Nhánh 6	Km	0,06								
	- Nhánh 7	Km	0,10								

TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m2) (3)		Giá trị (đồng)		Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)		
4	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (Km405+000 - Km419+600)	Km	13,87	2021	2023			909.713.000.000	909.713.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Chiều dài đường không bao gồm chiều dài cầu trong lý trình được liệt kê dưới đây
5	Các nhánh nút giao Quỳnh Mỹ Km405+700		2,36	2021	2023						
	- Nhánh 1	Km	0,49								
	- Nhánh 2	Km	0,29								
	- Nhánh 3	Km	0,40								
	- Nhánh 4	Km	0,46								
	- Nhánh 5	Km	0,26								
	- Nhánh 6	Km	0,46								
6	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (Km419+600 - Km430+000)	Km	9,97	2021	2023			734.088.000.000	734.088.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Tổng giá trị tài sản tạm thời hạch toán theo giá dự toán được Ban QLDA 6 báo cáo tại văn bản số 796/BQLDA6-BĐH NS-DC ngày 9/5/2024 và theo biên bản rà soát, phân loại tài sản giữa Khu QLDB II với Ban QLDA 6 ngày 25/4/2024
7	Các nhánh nút giao Diễn Cát Km429+700		2,65	2021	2023						
	- Nhánh 1	Km	0,33								
	- Nhánh 2	Km	0,43								
	- Nhánh 3	Km	0,95								
	- Nhánh 4	Km	0,50								
	- Nhánh 5	Km	0,44								
II	Hầm và các công trình gắn liền với hầm							639.400.000.000	639.400.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Chiều dài hầm 450md
1	Hầm Trường Vinh Km386+360	Km	0,45	2021	2023			639.400.000.000	639.400.000.000		
III	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu		33.422,9					666.772.000.000	666.772.000.000		Tổng chiều dài cầu trên tuyến chính là 1.793.9md

TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m2) (3)		Giá trị (đồng)		Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)		
	Cầu dầm I, T, Super T BTCT Dự ứng lực; Cọc khoan nhồi, móng cầu bằng BTCT										
1	Cầu Khe Nhồi Km385+046	m2	603,40	2021	2023			17.229.000.000	17.229.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:43,1 m
2	Vượt ngang Quỳnh Vinh Km389+969	m2	746,20	2021	2023			44.720.000.000	44.720.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:182,4 m
3	Vượt nút giao Quỳnh Vinh Km390+289	m2	1.917,00	2021	2023			35.200.000.000	35.200.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:142,4 m
4	Hoàng Mai 2 Km390+904	m2	3.857,00	2021	2023			71.320.000.000	71.320.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:220,4 m
5	Bà Rá Km395+969	m2	649,20	2021	2023			13.150.000.000	13.150.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:37,1 m
6	Quỳnh Tân Km397+278	m2	1.492,70	2021	2023			24.890.000.000	24.890.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:85,3 m
7	An Nghĩa Km398+879	m2	1.947,70	2021	2023			27.250.000.000	27.250.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:111,3 m
8	Quỳnh Lưu Km405+805	m2	3.699,50	2021	2023			55.319.000.000	55.319.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:211,15 m
9	Ngọc Chi Km409+039	m2	1.946,00	2021	2023			30.057.000.000	30.057.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:114,24 m
10	DH258 Km411+976	m2	1.263,50	2021	2023			23.758.000.000	23.758.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:84,25 m
11	Vượt ngang Diễn Đoài Km414+408	m2	2.620,20	2021	2023			41.331.000.000	41.331.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:218,35 m
12	Yên Hội Km416+912	m2	1.736,00	2021	2023			27.859.000.000	27.859.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:109,2 m

TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m2) (3)		Giá trị (đồng)		Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)		
13	Gia Hội Km418+855	m2	3.470,20	2021	2023			78.145.000.000	78.145.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:208,35 m
14	Diễn Đồng Km424+871	m2	579,25	2021	2023			33.665.000.000	33.665.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:33,1 m
15	Nguyên Thượng Km425+593	m2	2.282,00	2021	2023			40.679.000.000	40.679.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:130,4 m
16	Đồng Én Km428+331	m2	3.139,50	2021	2023			57.724.000.000	57.724.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:179,4 m
17	Diễn Cát Km429+715	m2	1.473,50	2021	2023			44.476.000.000	44.476.000.000	Mới đưa vào sử dụng	Dài cầu:84,25 m

Ghi chú:

(1) Theo phạm vi đoạn tuyến được phê duyệt tại Quyết định số 338/QĐ-BGTVT ngày 8/3/2021 thì trên đoạn tuyến chính khoảng 47,75km; ngoài ra tổng chiều dài công trình cầu, hầm đường bộ; các nút giao, đường nhánh tổng số 9,29km.

(2) Cục ĐBVN chịu trách nhiệm về công tác cập nhật, điều chỉnh giá trị hạch toán trên sổ kế toán theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 33/2019/NĐ-CP, sau khi công tác phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các hạng mục được hoàn thành

(3) Không xác định diện tích đất